

VAI TRÒ CỦA CỬ CHỈ VÀ TÌNH HUỐNG TRONG VIỆC LIÊN KẾT CÁC HÀNH VI LỜI NÓI

NGUYỄN THỊ VIỆT THANH

Khoa Ngữ văn, ĐHTH HN

Lời nói với hình thức tồn tại chủ yếu là âm thanh là một sản phẩm có tổ chức rất phức tạp. Ở đó, như đã biết, ngôn ngữ được thể hiện với toàn bộ sự đa dạng, phong phú nhất. Ngoài ra, lời nói lại là sản phẩm giao tiếp của những con người cụ thể, trong một khoảng thời gian ngắn, không gian hẹp, ở những bối cảnh đa dạng. Do vậy, trong quá trình giao tiếp bằng lời nói, không phải toàn bộ nội dung cần thông báo đều được hiện ngôn như trong văn bản. Vai trò của các yếu tố "ngoài ngôn ngữ" giữ những vị trí rất quan trọng. Chúng tạo nên thế giới riêng, tồn tại song song với các phương tiện ngôn ngữ, và cùng với ngôn ngữ thực hiện chức năng giao tiếp, truyền tải thông tin. Trong số các yếu tố "ngoài ngôn ngữ" đó, phải kể đến yếu tố cử chỉ và tình huống.

Khi khảo sát hệ thống liên kết của lời nói, chúng tôi nhận thấy rằng nhiều khi vai trò của các yếu tố cử chỉ điệu bộ và tình huống có giá trị quan trọng đối với việc liên kết các hành vi lời nói.

1 - Cử chỉ

Trong những tình huống giao tiếp lời nói cụ thể, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt... là những yếu tố không thể thiếu. Con người trong khi giao tiếp thường quan sát phản ứng của những đối tượng giao tiếp. Qua phản ứng của người nhận tin, người phát tin có thể hiểu được một phần suy nghĩ của đối tượng về lời nói của mình. Trên cơ sở đó có thể thay đổi chiến lược giao tiếp cho phù hợp. Ngược lại, đối với người nhận tin, cùng với việc tiếp thu nội dung thông báo, việc quan sát cử chỉ, điệu bộ của người phát tin sẽ làm cho họ hiểu rõ hơn về những điều mà người kia muốn diễn đạt.

Những biểu hiện cụ thể của cử chỉ rất phong phú và bị quy định bởi rất nhiều yếu tố, đặc biệt là những yếu tố tâm lý, dân tộc và xã hội. Tuy vậy, tựu chung lại, có thể quy thành bốn loại chính: cử chỉ mô phỏng, cử chỉ tượng trưng, cử chỉ thuyết minh và cử chỉ hàm chỉ.

Đối tượng của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ chỉ là loại cử chỉ thuyết minh và cử chỉ hàm chỉ. Hai loại này tương ứng với hai cách gọi: cử chỉ kèm lời và cử chỉ thay lời ở một số nhà nghiên cứu.

1.1 - Cử chỉ thuyết minh: Là cử chỉ đi kèm với các hành vi lời nói biểu thị sự khẳng

định, phủ định, ngạc nhiên, nghi ngờ, giễu cợt... Ví dụ:

- (gật đầu) Vâng, cháu là Lan ạ.
- (Lắc đầu) Không, Không phải tôi đâu.
- (Xua tay) Tôi biết rồi, đừng nói nữa.
- (Biu môi) Gớm, chả bấu lắm đấy.

....

Các loại cử chỉ này có giá trị làm tăng sức biểu hiện của các nội dung được thông báo bằng lời. Tuy vậy, khi văn tự hóa và văn bản hóa, nếu loại trừ sự quan sát và thuyết minh của tác giả thì sự nối kết về nội dung giữa các lời nói vẫn được duy trì, và nội dung từng lời nói vẫn được đảm bảo. Do đó, loại cử chỉ kèm lời này không có giá trị đối với việc liên kết lời nói.

1.2 - Cử chỉ hàm chỉ

Bắt đầu từ những cử chỉ kèm lời. Sau đó, dần dần một mối quan hệ ổn định, chắc chắn được thiết lập giữa các kiểu hành vi lời nói và các kiểu cử chỉ đi kèm tương ứng. Đến một lúc nào đó, trong những tình huống cụ thể, các yếu tố "ngoài ngôn ngữ" này có khả năng tồn tại độc lập và có giá trị tương ứng hoàn toàn với một hành vi bằng lời. Đó chính là khi các cử chỉ có giá trị hàm chỉ và giá trị thay lời.

Trên cơ sở chức năng và hoạt động của loại cử chỉ này, có thể chia làm ba loại nhỏ.

a - Loại cử chỉ biểu thị hành vi tiếp nhận giao tiếp.

VD "Cặp tình nhân đứng lên, mặc áo mưa. Người đàn ông trả tiền rồi nói :

- Này em

Người đàn bà *quay lại*

- Từ rày em đừng đánh phẩn nữa nhé.

- Vâng. Em có biết đánh phẩn đâu. Nhưng em tưởng rằng anh thích".

(BKVAV - DTH) "

Ở các trường hợp loại trên, các cử chỉ: quay lại, ngẩng đầu lên, dừng lại, nhìn... đều là kết quả của một hành vi hô gọi, kích thích ban đầu. Chúng có nghĩa người nghe đã sẵn sàng đón nhận một thông tin mới, hay chuẩn bị tham gia một thể giao tiếp mới. Có thể hiểu ngôn ngữ hóa các cử chỉ trên bằng các phát ngôn hỏi: - Gì đấy ạ ?,... Có chuyện gì đấy ạ ?... Anh (chị...) muốn bảo gì đấy ạ ?.. Người phát tin hiểu được ý nghĩa của các cử chỉ trên và yên tâm thực hiện tiếp các hành vi lời nói của mình.

b - Loại cử chỉ tương ứng với một hàm ý.

Hàm ý là một hiện tượng thường thấy trong các hành vi giao tiếp bằng lời. Ở một số trường hợp, cùng với tiền giả định, nó trở thành phương tiện liên kết hàm ngôn giữa các lời nói. Tuy vậy, do là phương tiện hàm ngôn nên nội dung của nó không phải lúc nào cũng được hiểu ngôn một cách đúng đắn, chính xác. Nhưng lúc đó, cử chỉ, điệu bộ... thường được sử dụng như một phương tiện liên kết phụ trợ.

VD1: A - Có mượn được sách không ?

B - Xe đạp hỏng giữa đường.

Ở đối thoại trên, theo nguyên tắc hội thoại của H.P.Grice, lời nói B có chứa hàm ý do vi phạm phương châm quan hệ. Nhưng hàm ý đó cụ thể là gì ? Lời nói B có phải là câu trả lời thích hợp cho lời nói A không thì phải qua một quá trình suy luận:

Có đi đến nhà thầy mượn sách → xe đạp hỏng giữa đường → không đến nhà thầy được → không mượn được sách.

Tuy vậy, nếu đi kèm với lời nói B kia là một cử chỉ thì quá trình lý giải thông tin sẽ đơn giản hơn.

A- Có mượn được sách không ?

B- (Lắc đầu) Xe đạp hỏng giữa đường.

Ở đây phần hiển ngôn của lời nói B có tính chất giải thích. Còn thông tin chính, tức là câu trả lời xác thực cho lời nói A lại do cử chỉ đảm nhiệm. Cử chỉ lúc này tương ứng với hàm ý đã "vật chất hóa" cái hàm ý cần được hiểu. Mặc dù đi kèm với lời nói nhưng vai trò của chúng rất quan trọng. Chính chúng là sợi dây liên kết giữa hai lời nói lại với nhau

Có thể thấy rõ vai trò của cử chỉ, điều bộ qua nhiều ví dụ khác:

VD2: A- Chứ sao em khóc ? Bố có mắng em không ?

B- (gật đầu) Nhưng không phải vì thế mà em khóc.

(KVTY - HLG)

VD3: A- Đạo này em còn uống ri mi phong không ?

Người đàn ông hỏi nhỏ, người đàn bà gật đầu.

B- Nhưng thuốc đắt lắm.

(BKBAV - DTH).

Từ nối "nhưng" đứng đầu câu biểu đạt một quan hệ ngữ nghĩa, hoặc với một phát ngôn nào đó trước nó, hoặc với một bộ phận trong cùng một phát ngôn nhưng đã bị tinh lược đi theo kiểu cấu trúc "Tuy... nhưng...". Trong lời nói B, về trước đó không được hiển ngôn, mà được thay thế bằng một cử chỉ có ý nghĩa tương ứng: (gật đầu = có).

Nếu "hiển ngôn hóa" cử chỉ, thông báo đầy đủ của các câu trả lời sẽ là:

- Có mắng, nhưng không phải vì thế mà em khóc.

- Có uống thuốc. Nhưng thuốc đắt quá.

Vì vậy, khi đó cử chỉ trở thành nhân tố quan trọng, đảm bảo sự tồn tại của chính lời nói B, và đảm bảo cho lời nói B là câu trả lời tương ứng thích hợp của lời nói A. Nếu thử vứt bỏ các cử chỉ đi kèm này đi thì mối quan hệ giữa các lời nói sẽ trở nên rời rạc, thậm chí sẽ mất hẳn.

c - Loại cử chỉ tương ứng với một hành vi giao tiếp độc lập.

Trong thực tế giao tiếp lời nói, có thể gặp dạng gặp các cuộc "đối thoại" kiểu như:

- Ăn cơm chưa ?

- (gật đầu)

- Đi xem không ?

- (lắc đầu)

Các cử chỉ này hoàn toàn giữ vai trò là một phản ứng đáp. Chúng không có chức năng liên kết.

Nhưng lại có thể gặp không ít các trường hợp các cử chỉ vừa tương ứng với một hành vi giao tiếp độc lập, vừa tồn tại như một yếu tố nối liên kết giữa hai lời nói của cùng một chủ thể.

VD 1: - Anh làm điều thuốc đã. Không hút à ?

Phát ngôn thứ nhất là sản phẩm của hành vi đề nghị. Hành vi này nhận được một hành vi phản ứng ngoài ngôn ngữ (lắc đầu, xua tay...) từ phía người đối thoại. Sau đó hành vi phản ứng này lại trở thành nhân tố kích thích cho hành vi lời nói tiếp theo. Trên hình thức, đây là những phát ngôn liên tiếp của một chủ thể. Nhưng thực ra chúng liên kết với nhau thông qua một cử chỉ phản ứng của đối tượng giao tiếp. Hãy thử hình dung một tình huống đối thoại sau đây, nếu không có sự xuất hiện của loại phương tiện liên kết ngoài ngôn ngữ này thì sẽ ra sao.

VD2: - Mày đã đi chùa Hương chưa ? Tao tưởng người Hà Nội chúng mày ai cũng đi rồi chứ.

Lời nói thứ nhất là hành vi hỏi (người nói không biết đối tượng đã thực hiện việc "đi chùa Hương" hay chưa).

Ở lời nói thứ hai, với sự tồn tại của cụm từ có công thức *tưởng A* với tiền giả định : A là không đúng, nên có nghĩa là người nghe (bạn mày) "Chắc chắn chưa đi chùa Hương".

Vậy sự tồn tại cạnh nhau của các phát ngôn này là phi lôgic. Hai phát ngôn này chỉ có thể tồn tại cạnh nhau nếu giữa chúng có một cử chỉ, điệu bộ (lắc đầu) của người đối thoại đi kèm, thay thế cho hành vi trả lời.

VD3: - Nào ăn thử một miếng nào. ĐỪNG em, tay chị dài lắm.

Xét về mặt hình thức, hai phát ngôn này không có quan hệ ngữ nghĩa với nhau, chúng là những lời nói độc lập. Nhưng thực ra đây là kết quả văn tự hóa một tình huống đối thoại:

A1 - Nào, ăn thử một miếng nào.

(B định gấp hay lấy giúp cho A)

A2 - ĐỪNG em, tay chị dài lắm.

Cử chỉ của B là hành vi tiếp theo lời nói A1 và là nguyên nhân của lời nói A2. Nó trở thành sợi dây nối kết hai lời nói lại với nhau.

Như vậy, mặc dù là những yếu tố thuộc một hệ thống tín hiệu khác, nhưng cử chỉ thực sự trở thành những yếu tố phụ trợ đắc lực cho sự liên kết lời nói.

2 - Tình huống

Mọi giao tiếp lời nói đều được thực hiện trong những tình huống nhất định.

Theo các cách hiểu truyền thống, tình huống là tất cả những hoàn cảnh trong đó diễn ra một hành vi phát ngôn. Nó có thể là môi trường vật lý và xã hội trong đó lời nói xuất hiện, là mối quan hệ vốn có giữa những lời đối thoại cùng với những lời nói qua lại của họ xác định hành vi phát ngôn được xét... Nói chung, các cách hiểu về tình huống rất đa dạng. Hơn nữa, giá trị của tình huống trong những hoàn cảnh sử dụng khác nhau cũng khác nhau.

Cũng như vậy, với tư cách là một yếu tố ảnh hưởng đến sự liên kết lời nói thì vai trò của tình huống không phải lúc nào cũng như nhau. Có những trường hợp, bản thân những liên kết hình thức bằng các phương tiện ngôn ngữ đã đảm bảo sự liên kết nội dung ở lời nói. Lại có những trường hợp sự liên kết được thực hiện nhờ các phương thức hàm ngôn. Khi đó, mặc dù luôn có mặt, nhưng tình huống chỉ giữ vai trò là bộ khung ngầm ẩn, bị che khuất bởi các yếu tố hiển ngôn. Nhưng đến một lúc nào đó, vai trò của "bộ khung" này được nổi lên như một nhân tố chính giúp cho sự nối kết các hành vi lời nói. Đó chính là khi tình huống giữ chức năng của một phương tiện liên kết lời nói.

Hình thức tồn tại của lời nói rất đa dạng. Đó có thể là lời nói trong các vở kịch diễn trên sân khấu, truyền hình, lời nói trên đài phát thanh, trong các cuộc hội thảo... Mỗi hình thức tồn tại này đều chịu những tác động trực tiếp nhất định của tình huống. Trong đó rõ nhất là vai trò của tình huống ở lời nói tự nhiên hàng ngày.

2.1 - Tình huống làm cái giá đỡ, xếp cho các lời nói tồn tại trong những trật tự hợp lý, có nghĩa.

Xin nghe một đoạn đối thoại.

A- Em cứ thử mà xem (1A) Ngon thì mua, không ngon thì chị có ép dâu (2A). Đây bóc quả này. (3A).

B- Gớm, đáng như mặt công thế này mà kêu ngon... (1B). Chê thì chê chứ bươi này ăn cũng được đấy mà ạ. (2B)

Nếu chỉ dựa thuần túy vào các yếu tố ngôn ngữ thì dường như trong lời nói của E chứa đựng những yếu tố phi lý. Nhưng nếu khôi phục lại chúng trong tình huống nhất định, thì có thể hiểu được.

Tình huống của đoạn đối thoại trên là:

- Hoạt động giao tiếp diễn ra ở chợ, hoặc một chỗ mua bán nào đó.
- Đang diễn ra việc mua bán bươi.
- Có ít nhất 3 thành viên tham gia (người bán hàng A, người mua hàng B và bạn củ B).

Đoạn đối thoại trên có thể được tách ra thành 4 hành vi lời nói.

- A thực hiện hành vi thuyết phục B → có lời nói gồm câu 1A và 2A
- A (lấy một quả đưa cho B) thực hiện hành vi đề nghị → có lời nói 3A
- B (sau khi nếm bươi) thực hiện hành vi bác bỏ đối với lời nói của A → có lời nói 1B
- B (Quay sang với người bạn bên cạnh) thực hiện hành vi nhận xét → có lời nói 2B

Như vậy để hiểu đoạn đối thoại trên, các chú dẫn tình huống trở nên rất quan trọng. Nó giải thích sự xuất hiện của lời nói này sau lời nói kia. Nó quy định sự thay đổi của các yếu tố ngôn ngữ phụ thuộc vào sự thay đổi đối tượng giao tiếp. Và đôi khi còn là cái nền để giải thích đối tượng được quy chiếu trong lời nói. Một khi đoạn đối thoại được đưa vào văn bản thì tình huống cũng sẽ được văn bản hóa dưới dạng lời dẫn của tác giả.

2.2 - Tình huống làm nền cho sự suy tạo hàm ý.

Tình huống không chỉ là nơi cho lời nói tồn tại và hoạt động, mà còn là yếu tố tác động trở lại lời nói. Nó giúp cho người phát tin biểu đạt được toàn bộ điều mình muốn nói và giúp cho người nhận tin lĩnh hội được đầy đủ thông tin. Tức là nó giúp cho quá trình phát - nhận tin thông qua sản phẩm ngôn từ được thực hiện trọn vẹn. Điều này có thể thấy rõ trong những trường hợp mà lời nói có hàm ý.

Ví dụ:

Tình huống 1: Một người hàng xóm hỏi đứa trẻ con chơi ở sân:

- Bố cháu đâu ?

Đứa trẻ đáp:

- Bố cháu đang ở nhà ạ.

Tình huống 2: người hàng xóm tới, muốn rủ mẹ đứa trẻ sang nhà mình chơi. Hỏi:

- Mẹ đâu ? Bảo mẹ sang nhà bác chơi.

Đứa bé trả lời:

- Bố cháu đang ở nhà ạ.

Hai câu trả lời của đứa trẻ mặc dù cùng một vỏ hình thức, nhưng trong hai tình huống khác nhau sẽ mang hai ý nghĩa khác nhau. Ở tình huống một, lời nói B là câu trả lời trực tiếp cho hành vi hỏi của lời nói A. Còn ở tình huống hai, ẩn sau các yếu tố hiển ngôn là hàm ý "vì bố cháu đang ở nhà nên mẹ cháu không sang bác bây giờ được đâu".

Một ví dụ khác

Cùng một lời nói "Chúc anh ngủ ngon", ở những tình huống khác nhau, sẽ dẫn đến các lời thoại phản ứng khác nhau.

Tình huống 1:

A - Thôi chúc anh ngủ ngon.

B - Chúc em ngủ ngon, em yêu ạ.

Lời nói A không có hàm ý. B hiểu nội dung lời nói A theo các yếu tố hiển ngôn → có lời nói B.

Tình huống 2:

A - Thôi chúc anh ngủ ngon

B - Em mệt à. Vậy em đi ngủ trước đi.

Lời nói A được hiểu là có hàm ý. A mệt muốn đi ngủ.

Tình huống 3:

A - Thôi chúc anh ngủ ngon.

B - Chị đuổi tôi đấy à ?

Tình huống giúp cho lời nói A được hiểu có hàm ý: A không muốn nói chuyện với B

nữa.

Ngay cả trong những tình huống khác nhau, một cử chỉ, điệu bộ có thể được hiểu theo những nghĩa khác nhau. Một câu châm ngôn thường nghe là "Im lặng là đồng ý". Nhưng thực ra ý nghĩa của sự im lặng đó là gì, chỉ có thể đặt trong những tình huống cụ thể mới hiểu được. Nó có thể là sự đồng ý, sự từ chối, là biểu hiện của sự bối rối, lưỡng lự trước một quyết định nào đấy. Cử chỉ lắc đầu cũng có thể mang ý nghĩa phủ định, từ chối, bất đồng, bất lực... trong những tình huống khác nhau... Đó là cả một thế giới của những yếu tố rất phức tạp, đan kết vào nhau.

Cử chỉ và tình huống, đó là những nhân tố không thể thiếu trong mọi hành vi lời nói. Sự có mặt của các nhân tố này thường xuyên tới mức nhiều khi người ta quên bằng vai trò thực sự của chúng. Vai trò của chúng có khi rất khiêm tốn, nhưng có khi cũng rất quan trọng, ảnh hưởng đến việc thực hiện một và một chuỗi các hành vi giao tiếp lời nói. Chính các phương tiện ngoài ngôn ngữ này góp phần tạo nên những đặc điểm riêng biệt, độc đáo của liên kết lời nói so với liên kết văn bản.

THE ROLE OF THE GESTURE AND SITUATION IN THE CONNECTING BEHAVIOURS OF SPEECH

Nguyen Thi Viet Thanh

Faculty of Philology Hanoi University

Due to the speciality existed particularly, in the verbal communicational process the elements of nonverbal language, including the gesture and situation, play important roles. With the means of language they take the communicational function, conveying information and connecting behaviours of speech.

1. The concrete symbols of gestures are very multiform. There are two kinds of gesture which frequently appear in the verbal communication: the explaining gesture and the connotating gesture. The connotating gesture has a value as a verbal behaviour. It becomes a connecting means whenever:

- It indicates the behaviour which accepts the communication.
- It links a connotation to match two verbal behaviours.

In these cases, the gestures play a very important role. It is the result of preceding communicational behaviour and is a factor to encourage preserving of following communicational behaviour.

2. However, the situation is used as a by-means of communication whenever:

- It gets an internal frame to rank the word in the reasonable and significant orders.
- It gets the background to deduct the connotation that means the factor which helps the addressor to express everything they want to and which helps the addressee to apprehend information completely and fully.

Although behaviours and situation belong to the elements of nonverbal language, their role takes a part to create particular and unique specialities of verbal connection.